TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HSST
Ngày: 14/7/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Châu.**

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú.

2. Ông **Trần Văn Lâm**.

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi ở: Ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hòa** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Liệt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2017/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, tại TP. C, tỉnh Cà Mau; trú tại khóm 1, Phường 1, TP. C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp tài xế; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc Kinh; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Trần Ngọc M; có vợ Nguyễn Thị N và chưa có con; tiền sự không; tiền án không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07 tháng 11 năm 2016 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh **Ngô Thanh T**, sinh năm 1973 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Ngô Thanh T:

- Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1945; cư trú tại khóm 1, Phường 1, TX. N, tỉnh Sóc Trăng; là mẹ ruột của người bị hại; vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1972; cư trú tại khóm 6, Phường 1, TX. N, tỉnh Sóc Trăng; là vợ của người bị hại; vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1947; cư trú tại khu vực T, phường T, quận T, TP. Cần Thơ; vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1969; cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986; cư trú tại Đường số 1, Khu dân cư A, phường P, quận C, TP. Cần Thơ; vắng mặt.

2. Bà **Trần Ngọc Mai**, sinh năm 1968; cư trú tại khóm 1, Phường 1, TP. C, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994; cư trú tại đường N, Phường 5, TP. C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1987; cư trú tại đường L, khóm 5, Phường 4, TP. C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; cư trú tại đường M, phường A, quận N, TP. Cần Thơ; vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1978; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

5. Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1968; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

6. Anh **Dương Việt S**, sinh năm 1974; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

7. Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1967; cư trú tại ấp L, xã L, TX. L, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt.

8. Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1973; cư trú tại khóm 6, Phường 1, TX. N, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào chiều ngày 16 tháng 10 năm 2016, bị cáo T điều khiển xe ô tô biển số 69A-xxx.xx chở vợ là Nguyễn Thị N và anh Lê Thanh T đi từ TP. C về CM theo đường Quản lộ P - CM. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày là đến khu vực ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Lúc này, do bị cáo T ngủ gật, lạc tay lái sang lề bên trái dẫn đến đụng vào xe mô tô biển số 83H7-xxxx do anh Ngô Thanh T điều khiển và xe mô tô biển số 65FA-xxxx do ông Nguyễn Văn T điều khiển chở phía sau là bà Nguyễn Thị G theo chiều ngược lại, dẫn đến hậu quả là anh Ngô

Thanh T chết tại chỗ, còn ông T, bà G bị thương, xe ô tô do bị cáo T điều khiển và 02 xe mô tô của anh Ngô Thanh T, ông T điều khiển bị hư hỏng.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 170/PY.PC54 ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Nguyên nhân tử vong của anh Ngô Thanh T là do đa chấn thương.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KLĐGTS-HĐGĐ.ĐGTS ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú kết luận:

- Xe ô tô biển số 69A-xxx.xx bị thiệt hại 138.819.160 đồng;

- Xe mô tô biển số 83H7-xxxx bị thiệt hại 9.875.000 đồng;

- Xe mô tô biển số 65FA-xxxx bị thiệt hại 6.315.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 155.009.160 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G không yêu cầu giám định thương tích.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Những người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo T.

Về bồi thường thiệt hại:

- Bị cáo T và gia đình đã bồi thường chi phí mai táng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình anh T, đưa tiền cấp dưỡng nuôi con và tiền sửa xe mô tô của anh T tổng cộng là 135.000.000 đồng; bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích, tiền sửa xe cho ông T là 133.000.000 đồng; bồi thường các khoản điều trị thương tích cho bà G là 58.279.530 đồng. Những người này không yêu cầu gì thêm.

- Đối với chủ xe ô tô là chị Nguyễn Thị H yêu cầu được tự thỏa thuận với bị cáo T, không yêu cầu giải quyết.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ xe ô tô biển số 69A-xxx.xx, xe mô tô biển số 83H7-xxxx, xe mô tô biển số 65FA-xxxx, nhưng đã xử lý xong.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi xét hỏi đã rút một phần quyết định truy tố, với lý do cộng thiệt hại chiếc xe ô tô do bị cáo T điều khiển 138.819.160 đồng để truy tố T theo điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự

năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là không đúng với hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIX của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm trật tự an toàn giao thông và cho rằng bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại xong, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo T từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

- Người bị hại Nguyễn Thị G, người đại diện hợp pháp của người bị hại Ngô Thanh T và Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H vắng mặt và không có yêu cầu gì.

- Người làm chứng Nguyễn Thị N, Lê Thanh T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thanh T, Trần Ngọc H, Dương Việt S, Trần Thị B, Võ Văn T đều vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại Nguyễn Thị G, người đại diện hợp pháp của người bị hại Ngô Thanh T, Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H và những người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo và không có yêu cầu gì; việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 191, 192 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào chiều ngày 16 tháng 10 năm 2016, bị cáo T điều khiển xe ô tô biển số 69A-xxx.xx chở vợ là chị Nguyễn Thị N và anh Lê Thanh T đi từ TP. C về CM theo tuyến đường Quản lộ P - CM. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày là đến khu vực ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Lúc này, do bị cáo T ngủ gật, lạc tay lái sang lề bên trái dẫn đến đụng vào xe mô tô biển số 83H7-xxxx do anh Ngô Thanh T điều khiển và xe mô tô biển số 65FA-xxxx do ông Nguyễn Văn T điều khiển chở phía sau là bà Nguyễn Thị G theo chiều ngược lại, dẫn đến hậu quả là anh Ngô Thanh T chết tại chỗ do đa chấn thương, còn ông Nguyễn Văn T,

bà Nguyễn Thị G bị thương nhưng không yêu cầu giám định thương tích, xe mô tô của anh Ngô Thanh T bị thiệt hại 9.875.000 đồng, xe mô tô của ông Nguyễn Văn T bị thiệt hại 6.315.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì: *"Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến năm năm"*.

Theo khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIX của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm trật tự an toàn giao thông thì: *"Gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác hoặc gây hậu quả nghiêm trọng* quy định tại khoản 1 Điều 202….Bộ luật Hình sự là một trong các trường hợp sau đây:

a) Làm chết một người;

b) Gây tổn hại cho sức khỏe của một đến hai người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% trở lên;

c) Gây tổn hại cho sức khỏe của từ hai người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 31%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 41% đến 100%;

d) Gây tổn hại cho sức khỏe của một người với tỷ lệ thương tật từ 21% đến 30% và còn gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới bảy mươi triệu đồng;

đ) Gây tổn hại cho sức khỏe của từ hai người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 21%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 30% đến 40% và còn gây thiệt hại về tài sản với giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới bảy mươi triệu đồng;

e) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ bảy mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng."

Như vậy, hành vi của bị cáo T không tuân thủ quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ như lái xe ô tô trong lúc ngủ gật, lạc tay lái qua bên trái đụng vào xe mô tô của anh Ngô Thanh T, ông Nguyễn Văn T đang lưu thông theo chiều ngược lại dẫn đến hậu quả anh Ngô Thanh T chết, xe mô tô của anh T bị thiệt hại 9.875.000 đồng, xe mô tô của ông Nguyễn Văn T bị thiệt hại 6.315.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo T phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1

Điều Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo T đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, đáng lẽ ra phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo. Tuy nhiên, trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, ăn năn hối cải như bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Ngô Thanh T 135.000.000 đồng, người bị hại Nguyễn Văn T 133.000.000 đồng, người bị hại Nguyễn Thị G 58.279.530 đồng. Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Đồng thời, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, ngoài lần phạm tội này ra, bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; phạm tội không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; có khả năng tự cải tạo; nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên toà sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và đề xử phạt bị cáo T từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm, là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về bồi thường thiệt hại:

Người bị hại Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, người đại diện hợp pháp của người bị hại Ngô Thanh T, cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng và các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án:

Đối với vật chứng trong vụ án, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý xong. Ngoài ra, Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo T 01 giấy phép lái xe số AY 327xxx do Sở Giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 17 tháng 6 năm 2013. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo và bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề theo quy định tại khoản 5 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí:

Bị cáo T là người bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02** (hai) năm, tính từ kể ngày tuyên án (ngày 14 tháng 7 năm 2017).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân Phường 1, TP. C, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Người bị hại ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G và người đại diện hợp pháp của người bị hại Ngô Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng và các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) giấy phép lái xe số AY 327xxx do Sở Giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 17 tháng 6 năm 2013.

4. Án phí:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *CQ.THAHS Công an huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm